

CÁC YẾU TỐ QUYẾT ĐỊNH ĐẾN HOẠT ĐỘNG CỦA CÁN BỘ, GIẢNG VIÊN NHẪM MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG: NGHIÊN CỨU THỰC NGHIỆM TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI

*Nguyễn Thị Hương An**
Email: huongan.nguyen@hou.edu.vn

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 03/4/2023

Ngày phản biện đánh giá: 02/10/2023

Ngày bài báo được duyệt đăng: 26/10/2023

DOI:

Tóm tắt: Nghiên cứu xem xét việc thực hiện các hoạt động nhằm mục tiêu phát triển bền vững của cán bộ, giảng viên Trường Đại học Mở Hà Nội. Nghiên cứu điều tra các nguyên tắc cơ bản của Lý thuyết hành vi có kế hoạch (TPB) và ứng dụng của lý thuyết này trong việc tìm hiểu các yếu tố tác động đến hoạt động nhằm mục tiêu phát triển bền vững của nhà trường. Nghiên cứu đánh giá mối liên hệ trực tiếp và gián tiếp giữa các biến độc lập bao gồm Thái độ, Chuẩn mực xã hội, Nhận thức kiểm soát hành vi, Ý định đến việc thực hiện các hoạt động nhằm mục tiêu phát triển bền vững của cán bộ, giảng viên Trường Đại học Mở Hà Nội. Mẫu nghiên cứu bao gồm 338 câu trả lời khảo sát được phân tích bằng mô hình phương trình cấu trúc (SEM). Kết quả chỉ ra rằng chuẩn mực xã hội, nhận thức kiểm soát hành vi và ý định ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động nhằm mục tiêu phát triển bền vững của cán bộ, giảng viên.

Từ khóa: Trường Đại học Mở Hà Nội, phát triển bền vững, hoạt động vì mục tiêu phát triển bền vững,

I. Đặt vấn đề:

Các trường đại học đóng vai trò rất quan trọng trong việc thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững (Owens, 2017). Veinovic (2017) nhấn mạnh, việc đạt được các mục tiêu này phần lớn phụ thuộc vào kiến thức, hệ thống giá trị, kỹ năng và hành vi của mỗi cá nhân (ở mọi lứa tuổi), trong khi sự phát triển bền vững phụ thuộc đặc biệt vào sự tham gia của thế hệ trẻ. Do đó, các cơ sở giáo dục có thể được coi là động lực của sự chuyển đổi xã hội: là nơi đào tạo các nhà lãnh đạo tương lai và các chuyên gia chủ chốt, hình thành các kỹ năng và tâm lý cho họ. Vì vậy, các trường đại học được coi là một trong những thành phần quan trọng trong việc thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững. Các trường đại học tổ chức giảng dạy và học tập, nghiên cứu khoa học và có ảnh hưởng to lớn tới cộng đồng. Bhowmick và cộng sự (2017) đã đề cập rằng “các chức năng và chuyên môn độc đáo của các trường đại học là rất quan trọng để vượt qua các thách thức của xã hội, kinh tế và môi trường, nó có mối liên hệ với nhau, và được đề cập trong chương trình nghị sự mục tiêu phát triển bền vững.”

Ngược lại, các cơ sở giáo dục đại học trên toàn thế giới ngày càng nhận thấy tầm quan trọng của các hoạt động phát triển bền vững (Osman và cộng sự, 2023). Khi nhu cầu về tính bền vững tăng lên trong tất cả các lĩnh vực, các cơ sở giáo dục có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy các hoạt động phát triển bền vững. Việc áp dụng các phương pháp phát triển bền vững trong các cơ sở

* Trường Đại học Mở Hà Nội

giáo dục đại học là điều cần thiết để thúc đẩy tính bền vững trong bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội (Robinson và Gasson, 2021). Để đạt được điều này, các cơ sở giáo dục có thể tích hợp tính bền vững vào các chính sách và chương trình giảng dạy của họ (Ribeiro và cộng sự, 2017), tham gia và các hoạt động phát triển bền vững như bảo tồn năng lượng và giảm thiểu chất thải, đồng thời thúc đẩy nghiên cứu phát triển bền vững và phục vụ cộng đồng. Một số hoạt động bền vững cụ thể có thể được áp dụng trong giáo dục đại học bao gồm sử dụng sách giáo khoa kỹ thuật số và các tài nguyên số khác để giảm chi phí in ấn và sử dụng giấy, ngoài ra, các cơ sở giáo dục có thể tham gia vào các hoạt động bền vững như bảo tồn năng lượng, giảm thiểu chất thải và quản lý tài nguyên trong việc sử dụng cơ sở vật chất (Osman và cộng sự, 2023). Bằng cách áp dụng các phương pháp phát triển bền vững trong giáo dục đại học, các trường đại học có thể góp phần giảm tác động đến môi trường, thúc đẩy trách nhiệm xã hội và chuẩn bị cho sinh viên một tương lai bền vững, nó truyền cho sinh viên ý thức trách nhiệm về môi trường, trao quyền cho họ để thúc đẩy những thay đổi tích cực trong cộng đồng của mình (Wang và cộng sự, 2022).

Trên thế giới hiện nay, các nghiên cứu về hoạt động nhằm mục tiêu phát triển bền vững đã được thực hiện khá nhiều với nhiều lý thuyết và cách tiếp cận khác nhau. Mỗi nghiên cứu có thể tập trung vào một yếu tố cụ thể nào đó, hoặc tập trung vào một tổ chức cụ thể. Tuy nhiên, hiện nay các nghiên cứu tại Việt Nam về vấn đề này còn hạn chế. Vì vậy, nghiên cứu này được thực hiện nhằm mục đích đi sâu vào các chất xúc tác cụ thể thúc đẩy hành động nhằm mục tiêu phát triển bền vững của cán bộ, giảng viên Trường Đại học Mở Hà Nội. Kết quả của nghiên cứu sẽ góp phần định hướng phát triển các chính sách chiến lược, kế hoạch nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc tích hợp các nguyên tắc bền vững vào giáo dục đại học.

II. Cơ sở lý thuyết và phát triển mô hình nghiên cứu

2.1. Lý thuyết hành vi có kế hoạch

Lý thuyết hành vi có kế hoạch (The Theory of Planned Behavior - TPB), được Ajzen giới thiệu vào năm 1991, trong đó khẳng định hành vi bị ảnh hưởng bởi ý định, các yếu tố bên ngoài cũng có thể trực tiếp kiểm soát hoặc ức chế hành vi bao gồm: thái độ, chuẩn mực chủ quan và nhận thức kiểm soát hành vi. Đối với ý định, điều này được xem xét theo hành vi mong muốn của người đó. Trong phạm vi mà hành vi được quan sát, nó là một thước đo hợp lệ để làm chủ hành vi thực sự. Theo lý thuyết của Ajzen (1991), những người có thái độ thuận lợi đối với một hành vi cụ thể có xu hướng thể hiện hành vi đó. Do đó, thái độ càng tích cực thì ý định của họ càng mạnh mẽ. Các chuẩn mực chủ quan có thể được coi là áp lực xã hội. Điều này bao gồm nhận thức về những kỳ vọng của người khác và mức độ mà mọi người coi trọng những kỳ vọng đó. Nhận thức kiểm soát hành vi là ý thức về việc một người có thể thực hiện một hành động nhất định như thế nào trong một tình huống nhất định. Tính linh hoạt của TPB đã dẫn đến việc sử dụng rộng rãi nó trong các nghiên cứu trước đây, đặc biệt là trong việc khám phá các hành vi môi trường và thúc đẩy các hoạt động phát triển bền vững.

Bằng cách áp dụng TPB vào việc điều tra các thực tiễn phát triển bền vững, các nhà nghiên cứu có thể đánh giá thái độ, chuẩn mực chủ quan và nhận thức kiểm soát hành vi của cán bộ giảng viên, từ đó hiểu sâu hơn về các yếu tố ảnh hưởng đến ý định thực hiện các hoạt động phát triển bền vững của họ. Sự hiểu biết như vậy có thể cung cấp thông tin cho việc phát triển các biện pháp can thiệp và chiến lược có mục tiêu nhằm thúc đẩy các hoạt động phát triển bền vững giữa các cán bộ, giảng viên trong các cơ sở đào tạo đại học, cuối cùng góp phần hiện thực hóa các mục tiêu phát triển bền vững.

2.2. Các yếu tố tác động đến hành động nhằm mục tiêu phát triển bền vững

2.2.1. Thái độ và ý định đối với hoạt động nhằm mục tiêu phát triển bền vững

Thái độ đối với việc thực hiện các hoạt động phát triển bền vững có thể được định nghĩa là cảm giác lâu dài khi thực hiện các hành động bảo vệ môi trường, xã hội và các vấn đề kinh tế. Trong bối cảnh các cơ sở giáo dục đại học, việc hiểu rõ thái độ của cán bộ, giảng viên đối với sự phát triển bền vững có thể giúp đánh giá mức độ sẵn sàng tham gia vào các hoạt động phát triển bền vững của

họ. Brekler (1984) định nghĩa thái độ là phản ứng đối với tác nhân kích thích hoặc đối tượng thái độ hiện có. Eagley và Chaiken (2007) cung cấp một mô tả rộng rãi về “các xu hướng tâm lý biểu hiện trong việc thích hoặc không thích”, ba giả định đã được đưa ra làm thuộc tính chính của thái độ: tương ứng là đánh giá, mục tiêu thái độ và sở thích. Chúng có thể chỉ ra rằng mọi người có xu hướng coi trọng những thứ nhất định (Eagly và Chaiken, 2007). Nhiều nghiên cứu đã phát hiện ra mối quan hệ giữa thái độ và ý định mua hàng (Kim và Chung, 2011). Nghiên cứu Noral Hidayah và cộng sự (2022) cho thấy mối liên hệ tích cực và có ý nghĩa giữa thái độ và ý định trong việc giới thiệu xe điện của người tiêu dùng Malaysia. Zeweld và cộng sự (2017) đã khám phá thái độ đối với các biện pháp canh tác bền vững ảnh hưởng như thế nào đến ý định của nông dân và nhận thấy rằng những thái độ này có tác động tích cực và đáng kể đến ý định của họ đối với các biện pháp canh tác bền vững. Pankowska và cộng sự (2020) đã chỉ ra rằng thái độ và ý định có mối tương quan tích cực và đáng kể trong việc người dùng chấp nhận các giải pháp điện toán đám mây bền vững. Từ những lập luận trên, giả thuyết được đưa ra như sau:

H₁: Thái độ có tác động thuận chiều tới ý định thực hiện các hoạt động của cán bộ, giảng viên Trường Đại học Mở Hà Nội nhằm mục tiêu phát triển bền vững

2.2.2. Chuẩn mực chủ quan và ý định đối với hoạt động nhằm mục tiêu phát triển bền vững

Ajzen (1991) mô tả rằng một người sẽ có ý định hành xử khi họ chịu áp lực xã hội từ môi trường (xã hội, bạn bè và gia đình), được gọi là chuẩn mực chủ quan trong TPB. Ajzen (1991) cũng giải thích thêm rằng một người có thể có một người hoặc một nhóm quan trọng sao chép hành vi được thực hiện theo định hướng của họ. Các chuẩn mực chủ quan cho thấy con người đang trong quá trình học hỏi và quan sát người khác để có được những đánh giá trước khi thể hiện hành vi. Khám phá các chuẩn mực chủ quan trong các cơ sở giáo dục đại học có thể cung cấp cái nhìn sâu sắc về tác động của lãnh đạo, đồng nghiệp và văn hóa nhà trường đối với hành vi liên quan đến tính bền vững của cán bộ, giảng viên. Nhiều nhà nghiên cứu đã kết luận rằng các chuẩn mực chủ quan về hành vi tiêu dùng bền vững có ảnh hưởng đáng kể đến ý định tiêu dùng bền vững (Ayar và Gürbüz, 2021). Theo Gao và cộng sự (2017), chuẩn mực chủ quan đề cập đến “áp lực xã hội được nhận thức của một cá nhân từ những người khác, những người quan trọng đối với anh ta mà anh ta nghĩ rằng anh ta nên tuân theo hoặc không tuân theo để thực hiện hành vi”. Điều này ảnh hưởng đến việc ra quyết định và ý định ủng hộ môi trường của một cá nhân và là yếu tố then chốt thứ hai của lý thuyết hành vi có kế hoạch. Chan (1998) cho rằng chuẩn chủ quan chủ yếu có ý nghĩa quan trọng đối với hành vi bảo vệ môi trường. Wang và cộng sự (2021) đã chứng minh rằng quyết định của các hộ gia đình trong việc phân loại rác dựa trên việc xem xét quyết định của những người khác (tức là người thân, gia đình, bạn bè và những người khác). Tương tự, các tác giả khác đã chứng minh rằng ý định tiết kiệm năng lượng của một hộ gia đình cần có sự chấp thuận của những người quan trọng khác đối với họ (Xu và cộng sự, 2021). Một nghiên cứu chỉ ra rằng các chuẩn mực chủ quan ảnh hưởng đến ý định phát triển bền vững (Vermeir và Verbeke, 2006). Ngoài ra, một nghiên cứu khác báo cáo rằng các chuẩn mực chủ quan có ảnh hưởng lớn đến việc ra quyết định nói chung và có thể được sử dụng cực kỳ hiệu quả trong hành vi nói riêng (Zandstra và cộng sự, 2017). Vì vậy, giả thuyết được đưa ra như sau:

H₂: Chuẩn mực chủ quan có tác động thuận chiều tới ý định thực hiện các hoạt động của cán bộ, giảng viên Trường Đại học Mở Hà Nội nhằm mục tiêu phát triển bền vững

2.2.3 Nhận thức kiểm soát hành vi, ý định và hoạt động nhằm mục tiêu phát triển bền vững

Nhận thức kiểm soát hành vi đề cập đến nhận thức của một người về khả năng tham gia vào một hành vi nhất định (Ajzen, 1991). Nhận thức kiểm soát hành vi có thể có tác động trực tiếp đến hành vi và nó cũng có thể tác động gián tiếp đến hành vi thông qua tác động của nó lên ý định (Ajzen, 1991). Tương tự, Abrahams (2018) định nghĩa nhận thức kiểm soát hành vi là đánh giá của một cá nhân về các yếu tố có thể tạo điều kiện hoặc ngăn cản một số hành vi nhất định. Dựa trên TPB, nhận thức kiểm soát hành vi có thể ảnh hưởng trực tiếp đến ý định hành vi. Nghĩa là, những người được cho là có khả năng kiểm soát hành vi cao có thể có ý định thực hiện một số hành vi nhất

định mạnh mẽ hơn những người được cho là có khả năng kiểm soát hành vi thấp. Quan trọng hơn, những cá nhân thực hiện một số hành vi nhất định và đồng thời cố gắng cảm thấy kiểm soát được hành vi của họ có nhiều khả năng tham gia vào một số hành vi nhất định. Ví dụ, những người có cùng mức độ ý định tham gia vào hành vi có thể có mức độ tham gia khác nhau do mức độ kiểm soát hành vi khác nhau. Tương tự, ý định của một người có thể không dẫn đến hành động do thiếu nhận thức kiểm soát hành vi, có thể kết luận rằng nhận thức kiểm soát hành vi và ý định quyết định hành vi. Các nghiên cứu trước đây đã sử dụng TPB để cải thiện hành vi sức khỏe (Moan, 2005), bảo tồn tài nguyên (Gibson và cộng sự, 2021; Chaudhary và cộng sự, 2017) và thực hành môi trường an toàn (Yurieva và cộng sự, 2020; Yan và cộng sự, 2020). Từ các lập luận trên, giả thuyết được đưa ra như sau:

H₃: Nhận thức kiểm soát hành vi có tác động thuận chiều tới ý định thực hiện các hoạt động của cán bộ, giảng viên Trường Đại học Mở Hà Nội nhằm mục tiêu phát triển bền vững

H₄: Nhận thức kiểm soát hành vi có tác động thuận chiều tới hoạt động của cán bộ, giảng viên Trường Đại học Mở Hà Nội nhằm mục tiêu phát triển bền vững

2.2.4 Ý định và hoạt động nhằm mục tiêu phát triển bền vững

Theo TPB (Ajzen, 1991), quyết định thực hiện hành vi được xác định trực tiếp bởi ý định tham gia vào hành vi đó của một người. Nhiều nghiên cứu đã điều tra sâu rộng mối quan hệ giữa ý định và việc áp dụng trong các hoạt động phát triển bền vững, làm sáng tỏ những hiểu biết sâu sắc quan trọng giúp hình thành hiểu biết của chúng ta về sự tương tác năng động này. Người ta luôn chứng minh rằng ý định đóng vai trò then chốt trong việc khởi xướng các hoạt động bền vững (Aliabadi và cộng sự, 2020). Các phát hiện chỉ ra rằng các cá nhân và tổ chức có ý định mạnh mẽ áp dụng các hành vi bền vững có xu hướng thực hiện các bước chủ động hơn đối với các sáng kiến bền vững (Osman và cộng sự, 2023). Những ý định này bị ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố, bao gồm giá trị cá nhân, thái độ với môi trường và các chuẩn mực chủ quan được nhận thức (Cakirli và Theuvsen, 2020). Từ đó, nghiên cứu đưa ra giả thuyết:

H₅: Ý định có tác động thuận chiều tới hoạt động của cán bộ, giảng viên Trường Đại học Mở Hà Nội nhằm mục tiêu phát triển bền vững

H₆: Có tác động trung gian của ý định đối với mối quan hệ của nhận thức kiểm soát hành vi và hoạt động của cán bộ, giảng viên Trường Đại học Mở Hà Nội nhằm mục tiêu phát triển bền vững

III. Phương pháp nghiên cứu:

Mục đích của nghiên cứu này là tập trung vào đội ngũ cán bộ, giảng viên Trường Đại học Mở Hà Nội. Nghiên cứu này sử dụng dữ liệu sơ cấp được thu thập bằng bảng hỏi. Bảng hỏi khảo sát được phát triển sau khi đã đánh giá kỹ lưỡng các nghiên cứu trước đó để có được thước đo thích hợp về việc sử dụng rộng rãi cũng như độ tin cậy và giá trị chắc chắn. Các câu hỏi khảo sát được gửi qua email cho cán bộ giảng viên Trường Đại học Mở Hà Nội bằng cách sử dụng phương pháp lấy mẫu thuận tiện. Có tổng cộng 22 biến quan sát, bao gồm các biến đo lường độc lập, biến trung gian và biến phụ thuộc. Nghiên cứu đã sử dụng thang đo Likert năm điểm, từ “rất không đồng ý” đến “hoàn toàn đồng ý”, để đo lường thang đo. Trong số 455 bảng hỏi được gửi đi, có 345 câu trả lời quay về. Điều này thể hiện tỷ lệ phản hồi là 75,82% và việc thực hiện phân tích dữ liệu bằng mô hình phương trình cấu trúc (SEM) là phù hợp. Sau khi làm sạch dữ liệu bằng cách loại bỏ các giá trị ngoại lệ, chúng tôi nhận thấy có 338 câu trả lời hợp lệ và sẵn sàng để phân tích dữ liệu. Các bước phân tích dữ liệu bao gồm: phân tích mô tả, đánh giá mô hình đo lường và đánh giá mô hình cấu trúc, việc phân tích được thực hiện bằng phần mềm Smart PLS 4.0.

IV. Kết quả phân tích:

4.1. Thống kê mô tả

Nhìn chung, kết quả thống kê mô tả tại Bảng 1 cho thấy mẫu khảo sát có sự chênh lệch về giới tính, vì cán bộ, giảng viên nữ của Trường Đại học Mở Hà Nội nhiều hơn cán bộ, giảng viên nam. Mẫu bao gồm những cán bộ, giảng viên tham gia khảo sát đa dạng về độ tuổi, thâm niên công

tác, chức danh nghề nghiệp, chức vụ quản lý và học hàm học vị, do đó có tính đại diện cho nghiên cứu tổng thể.

Bảng 1: Thống kê mô tả mẫu nghiên cứu

	Nội dung	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Giới tính	Nam	108	32%
	Nữ	230	68%
Độ tuổi	Dưới 30 tuổi	30	8,9%
	Từ 31 đến 40 tuổi	114	33,7%
	Từ 41 đến 50 tuổi	164	48,5%
	Từ 51 đến 60 tuổi	30	8,9%
Chức danh nghề nghiệp	Giảng viên	174	51,5%
	Chuyên viên và tương đương	164	48,5%
Chức vụ quản lý	Lãnh đạo Trường	2	0,6%
	Cấp trưởng đơn vị	26	7,7%
	Cấp phó đơn vị	20	5,9%
	Cấp trưởng bộ môn	4	1,2%
	Cấp phó bộ môn	12	3,6%
	Không	274	81,1%
Thâm niên công tác tại Trường Đại học Mở Hà Nội	Dưới 5 năm	70	20,7%
	Từ 6 đến 10 năm	52	15,4%
	Từ 11 đến 15 năm	92	27,2%
	Từ 16 đến 20 năm	52	15,4%
	Từ 21 đến 25 năm	48	14,2%
	Từ 26 đến 30 năm	24	7,1%
Học hàm, học vị	Tiến sỹ	58	17,2%
	Thạc sỹ	230	68%
	Đại học	50	14,8%

4.2. Đánh giá mô hình đo lường

Để đảm bảo độ tin cậy và tính hợp lệ của các thang đo, mô hình PLS-SEM đã được sử dụng trong nghiên cứu này. Theo Hair và cộng sự (2017), hai yếu tố chính cần được đánh giá: độ tin cậy (được đánh giá qua chỉ số Cronbach's alpha (CA) và Composite reliability rho_c (CR)) và tính hội tụ của thang đo (được đánh giá qua chỉ số phương sai trung bình được trích (AVE)). Kết quả ở Bảng 2 cho thấy tất cả các cấu trúc đều đạt AVE tối thiểu là 0,738 và AVE tối đa là 0,891, vượt ngưỡng giá trị hội tụ tối thiểu là 0,5. Hơn nữa, Bảng 2 cho thấy độ tin cậy tổng hợp của tất cả các cấu trúc nằm trong khoảng từ 0,922 đến 0,976, vượt qua mức được khuyến cáo bởi Hair và cộng sự (2017). Giá trị Cronbach's alpha dao động từ 0,874 đến 0,969. Giá trị phân biệt được đánh giá bằng cách phân tích tác động chéo của các biến quan sát, Toàn bộ hệ số tải ngoài của các biến quan sát đều lớn hơn hệ số tải chéo trong mô hình. Bảng 3 cho thấy toàn bộ giá trị HTMT đều nhỏ hơn 0,9 như vậy tính phân biệt được đảm bảo (Henseler và cộng sự, 2015).

Bảng 2: Kết quả kiểm định độ tin cậy và tính hội tụ

Biến	Mã hóa	Hệ số tải	CA	CR	AVE
Thái độ	ATT1	0,929	0,934	0,950	0,793
	ATT2	0,949			
	ATT3	0,837			
	ATT4	0,841			

	ATT5	0,890			
Chuẩn mục chủ quan	SN1	0,920	0,940	0,954	0,807
	SN2	0,840			
	SN3	0,901			
	SN4	0,911			
	SN5	0,917			
Nhận thức kiểm soát hành vi	PBC1	0,825	0,911	0,934	0,738
	PBC2	0,795			
	PBC3	0,881			
	PBC4	0,871			
	PBC5	0,892			
Ý định	INT1	0,972	0,969	0,976	0,891
	INT2	0,980			
	INT3	0,894			
	INT4	0,927			
	INT5	0,943			
Hoạt động nhằm mục tiêu PTBV	SDA1	0,887	0,874	0,922	0,799
	SDA2	0,896			
	SDA3	0,898			

Bảng 3: Kết quả bảng Heterotrait-Monotrait (HTMT)

	ATT	INT	PBC	SDA	SN
ATT					
INT	0,398				
PBC	0,351	0,532			
SDA	0,401	0,428	0,396		
SN	0,352	0,604	0,570	0,331	

4.3. Đánh giá mô hình cấu trúc

Việc đánh giá mô hình cấu trúc được thực hiện bằng cách đánh giá đồng thời hệ số đường dẫn (β) và hệ số xác định R bình phương (R^2) (Hair và cộng sự, 2017). Nghiên cứu sử dụng mô hình cấu trúc bình phương nhỏ nhất từng phần (PLS-SEM) để phân tích. Các hệ số đường dẫn, giá trị kiểm định t, giá trị p và giá trị f^2 được thể hiện trong bảng 4.

Bảng 4: Kết quả kiểm định giả thuyết và giá trị f^2

Giả thuyết	VIF	Hệ số đường dẫn	Giá trị kiểm định t	Giá trị p	Giá trị f^2	Kiểm định giả thuyết
ATT -> INT	1,422	0,087	1,639	0,101	0,010	Bác bỏ
SN -> INT	1,574	0,346	6,213	0,000	0,141	Chấp nhận
PBC -> INT	1,622	0,169	2,362	0,018	0,028	Chấp nhận
PBC -> SDA	1,552	0,174	2,457	0,014	0,024	Chấp nhận
INT -> SDA	1,572	0,246	3,667	0,000	0,050	Chấp nhận
PBC -> INT -> SDA		0,041	2,017	0,044		Chấp nhận

Đối với giả thuyết H_1 , kết quả thống kê cho thấy không có mối quan hệ giữa thái độ (ATT) và ý định (INT) thực hiện hoạt động nhằm mục tiêu phát triển bền vững của cán bộ, giảng viên, do giá trị p = 0,101 (>0,05) và giá trị t = 1,639 (<1,96), do vậy, giả thuyết H_1 bị bác bỏ. Đối với giả thuyết H_2 , chuẩn mục chủ quan (SN) có tác động tích cực mạnh mẽ và có ý nghĩa thống kê đến ý định

(INT) thực hiện các hoạt động phát triển bền vững ($\beta = 0,346$; $t = 6,213$; $p = 0,000$), do đó giả thuyết H₂ được chấp nhận. Tương tự với giả thuyết H₃, nhận thức kiểm soát hành vi (PBC) có tác động tích cực và có ý nghĩa thống kê đến ý định (INT) thực hiện các hoạt động phát triển bền vững ($\beta = 0,169$; $t = 2,362$; $p = 0,018$), như vậy giả thuyết H₃ được chấp nhận. Đối với giả thuyết H₄, nhận thức kiểm soát hành vi (PBC) cũng được chứng minh rằng có tác động tích cực và có ý nghĩa thống kê đến hoạt động nhằm mục tiêu phát triển bền vững của cán bộ, giảng viên ($\beta = 0,174$; $t = 2,457$; $p = 0,014$), như vậy giả thuyết H₄ được chấp nhận. Giả thuyết H₅ được chứng minh rằng ý định (INT) có ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động nhằm mục tiêu phát triển bền vững (SDA) với $\beta = 0,246$; $t = 3,667$; $p = 0,050$, do đó giả thuyết H₅ được chấp nhận. Cuối cùng, đối với giả thuyết H₆, ý định (INT) được chứng minh là trung gian tích cực và đáng kể cho mối quan hệ giữa nhận thức kiểm soát hành vi và hoạt động nhằm mục tiêu phát triển bền vững ($\beta = 0,041$; $t = 2,017$; $p = 0,044$), do đó giả thuyết H₆ được chấp nhận.

Giá trị f^2 được sử dụng trong nghiên cứu đã cung cấp bằng chứng đáng kể để hỗ trợ phần lớn các giả thuyết, xác nhận mối quan hệ giữa các biến được khảo sát. Mức độ ảnh hưởng được đánh giá bằng tiêu chí của Cohen (1992) và được phân loại thành các mức độ: nhỏ (từ 0,020 đến 0,150); trung bình (từ 0,150 đến 0,350) và lớn (từ 0,350 trở lên). Như vậy, kích thước hiệu ứng quan sát được dao động trong khoảng nhỏ (từ 0,024 đến 0,141). Giá trị của hệ số phóng đại phương sai (VIF - variance inflation factor) đều dưới ngưỡng 5 (theo Hair và cộng sự, 2017), với mức cao nhất là 1,622 (theo Bảng 4).

Từ bảng 5, có thể thấy R^2 hiệu chỉnh của biến Ý định (INT) bằng 0,444, như vậy các biến độc lập giải thích được 44,4% sự biến thiên của biến INT. Tuy nhiên, R^2 hiệu chỉnh của biến Hoạt động phát triển bền vững (SDA) là 0,207, như vậy các biến độc lập chỉ giải thích được 20,7% sự biến thiên của SDA.

Bảng 5: Kết quả R bình phương

	R2	R2 hiệu chỉnh
INT	0,452	0,444
SDA	0,216	0,207

V. Thảo luận và hàm ý:

Phân tích thống kê cho thấy thái độ không đóng vai trò trong việc ảnh hưởng đến ý định thực hiện các hoạt động nhằm mục tiêu phát triển bền vững, nhưng chuẩn mực chủ quan và nhận thức kiểm soát hành vi có vai trò trực tiếp và tích cực trong việc ảnh hưởng đến ý định này. Đặc biệt, chuẩn mực chủ quan (SN) có tác động mạnh nhất đến ý định (INT) với hệ số đường dẫn beta là 0,346. Nhận thức kiểm soát hành vi (PBC) cũng đóng vai trò quan trọng trong việc ảnh hưởng đến ý định (INT) với hệ số đường dẫn beta là 0,169; không những vậy PBC còn ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động nhằm mục tiêu phát triển bền vững của cán bộ, giảng viên (SDA) với hệ số beta là 0,174. Ngoài ra, nghiên cứu cũng khẳng định có mối liên hệ trung gian của ý định giữa nhận thức kiểm soát hành vi và hoạt động nhằm mục tiêu phát triển bền vững (hệ số beta là 0,041), mặc dù mức độ ảnh hưởng nhỏ. Như vậy, tăng cường nhận thức của cán bộ, giảng viên về việc kiểm soát hành vi của họ cũng rất quan trọng trong việc khuyến khích thực hiện các hoạt động nhằm mục tiêu phát triển bền vững.

Kết quả nghiên cứu cho thấy các trường đại học nên ưu tiên phát triển các chiến lược hiệu quả để hình thành chuẩn mực của cán bộ, giảng viên bằng cách thúc đẩy văn hóa phát triển bền vững, khuyến khích nhân viên nắm bắt các nguyên tắc phát triển bền vững và đóng góp tích cực vào các sáng kiến bền vững. Để đạt được điều này, các trường đại học nên cung cấp các khóa đào tạo, bồi dưỡng tập trung vào mục tiêu phát triển bền vững, các chương trình này nên nhằm mục đích nâng cao hiểu biết của cán bộ, giảng viên về các vấn đề môi trường và xã hội, đồng thời nhấn mạnh tầm quan trọng của tính bền vững và vai trò của cán bộ, giảng viên trong việc thúc đẩy sự thay đổi tích

cực nhằm mục tiêu phát triển bền vững. Điều cần thiết nữa là các lãnh đạo trường cũng như lãnh đạo đơn vị cần thể hiện cam kết mạnh mẽ đối với phát triển bền vững và đóng vai trò là hình mẫu cho cán bộ, giảng viên trong việc thực hiện các hoạt động nhằm mục tiêu phát triển bền vững. Khi các nhà lãnh đạo thể hiện sự ủng hộ và tham gia tích cực vào các hoạt động bền vững, điều đó sẽ trở thành “chuẩn mực” của cán bộ, giảng viên và thúc đẩy họ làm theo. Một trong những điều cần thiết khác là các trường đại học cần đảm bảo rằng cán bộ, giảng viên có thể tiếp cận và truy cập vào các nguồn lực cần thiết và hệ thống hỗ trợ để tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện các hoạt động nhằm mục tiêu phát triển bền vững. Ngoài ra, việc thu hút cán bộ, giảng viên tham gia vào các sáng kiến phát triển bền vững là rất quan trọng nên cho họ tham gia vào quá trình ra quyết định tổ chức các hoạt động nhằm mục tiêu phát triển bền vững và tạo cơ hội đóng góp, như vậy sẽ thúc đẩy động lực và ý thức làm chủ của họ. Hơn nữa, nhà trường nên công nhận và khen thưởng những cán bộ, giảng viên tích cực áp dụng và thực hành các hoạt động nhằm mục tiêu phát triển bền vững.

Như vậy, việc xem xét tác động của thái độ, chuẩn mực chủ quan và nhận thức kiểm soát hành vi đối với ý định, cũng như vai trò trung gian của ý định trong mối quan hệ giữa nhận thức kiểm soát hành vi và hoạt động nhằm mục tiêu phát triển bền vững mang lại nhiều ý nghĩa khác nhau. Thứ nhất, nghiên cứu góp phần xây dựng lý thuyết hành vi có kế hoạch (TPB), một lần nữa khẳng định rằng chuẩn mực chủ quan và nhận thức kiểm soát hành vi có ảnh hưởng đến ý định hành vi. Bằng cách kiểm định các yếu tố này trong bối cảnh giáo dục đại học, nghiên cứu có thể mở rộng khả năng ứng dụng của lý thuyết và làm phong phú hơn nền tảng lý thuyết. Hơn nữa, nghiên cứu khẳng định rằng ý định đóng vai trò quan trọng trong việc chuyển từ nhận thức kiểm soát hành vi thành hành vi thực tế. Từ đó, nghiên cứu có ý nghĩa thực tiễn trong việc thúc đẩy các hoạt động nhằm mục tiêu phát triển bền vững và thúc đẩy thay đổi hành vi phát triển bền vững trong giáo dục đại học. Các trường đại học có thể ban hành chiến lược không chỉ tập trung vào đào tạo và nghiên cứu khoa học mà còn vào việc xây dựng cam kết và trách nhiệm cộng đồng với phát triển bền vững; sử dụng hiệu quả chuẩn mực chủ quan để nuôi dưỡng văn hóa phát triển bền vững trong nhà trường; từ đó tạo điều kiện thuận lợi, khuyến khích hợp tác và cung cấp nền tảng để cán bộ, giảng viên và sinh viên thực hành các hoạt động nhằm mục tiêu phát triển bền vững trong nhà trường; có cơ chế khuyến khích, khen thưởng các cán bộ, giảng viên tích cực tham gia các hoạt động phát triển bền vững.

VI. Kết luận:

Tóm lại, việc thúc đẩy các hoạt động nhằm mục tiêu phát triển bền vững của cán bộ, giảng viên trường đại học nói riêng và của nhân viên trong các tổ chức nói chung không thể đến từ cách ép buộc, mà muốn phát triển và lan tỏa các hoạt động nhằm mục tiêu phát triển bền vững này cần phải hiểu rõ các động lực thúc đẩy ý định và hành vi của họ. Nghiên cứu này đã kiểm định các yếu tố thái độ, chuẩn mực chủ quan và nhận thức kiểm soát hành vi và vai trò trung gian của ý định trong mối quan hệ giữa nhận thức kiểm soát hành vi và các hoạt động nhằm mục tiêu phát triển bền vững của cán bộ, giảng viên Trường Đại học Mở Hà Nội. Kết quả của nghiên cứu đã cung cấp những hiểu biết sâu sắc có giá trị để thúc đẩy các hoạt động của cán bộ, giảng viên đối với mục tiêu phát triển bền vững trong bối cảnh hiện nay. Từ đó một lần nữa nhấn mạnh tầm quan trọng của việc nuôi dưỡng thái độ tích cực, thiết lập các chuẩn mực chủ quan để hỗ trợ và nâng cao ý thức kiểm soát hành vi của mỗi cá nhân trong việc thực hiện các hoạt động nhằm mục tiêu phát triển bền vững. Nghiên cứu đề xuất thực hiện các biện pháp can thiệp và chiến lược có mục tiêu cụ thể rõ ràng nhằm đẩy mạnh các yếu tố này, như kích thích sự hình thành của ý định và chuyển từ nhận thức kiểm soát hành vi thành các hoạt động thực tiễn nhằm mục tiêu phát triển bền vững. Kết quả của nghiên cứu cũng góp phần vào việc thúc đẩy phát triển bền vững trong giáo dục đại học, với mục tiêu cuối cùng là tạo ra các kết quả tích cực về môi trường và xã hội.

Bên cạnh những đóng góp kể trên, nghiên cứu còn tồn tại một số hạn chế có thể khắc phục trong những nghiên cứu sau này. Thứ nhất, mẫu nghiên cứu còn khá nhỏ so với số lượng cán bộ, giảng viên Trường Đại học Mở Hà Nội. Các nghiên cứu tương lai có thể áp dụng khung mô hình lý

thuyết với các tổ chức khác với mẫu khảo sát lớn hơn, cũng như phân tích sâu hơn về ảnh hưởng của các biến kiểm soát như giới tính, độ tuổi... Thứ hai, hoàn thiện hơn mô hình nghiên cứu bằng cách bổ sung các yếu tố khác như phong cách lãnh đạo, cam kết của tổ chức... để đánh giá tác động của các yếu tố ảnh hưởng tới hoạt động nhằm mục tiêu phát triển bền vững một cách toàn diện.

Tài liệu tham khảo:

- [1]. Abrahams, D. 2018. 'Local economic development in South Africa: A useful tool for sustainable development.' In *Local Economic Development in the Developing World*, edited by E. L. Nel and C. M. Rogerson, 131-145. New York: Routledge.
- [2]. Ajzen, I. (1991). The Theory of Planned Behavior. *Organizational Behavior and Human Decision Processes*, [online] 50(2), pp.179–211. Available at: <https://www.sciencedirect.com/science/article/pii/074959789190020T>.
- [3]. Aliabadi, V., Gholamrezai, S., & Ataei, P. (2020). Rural people's intention to adopt sustainable water management by rainwater harvesting practices: application of TPB and HBM models. *Water Supply*, 20(5), 1847-1861.
- [4]. Bhowmik, Chiranjib & Bhowmik, Sumit & Ray, Amitava & Pandey, Krishna. (2017). Optimal green energy planning for sustainable development: A review. *Renewable and Sustainable Energy Reviews*. 71.
- [5]. Breckler, S. J. (1984). Empirical validation of affect, behavior, and cognition as distinct components of attitude. *Journal of Personality and Social Psychology*, 47(6), 1191–1205. <https://doi.org/10.1037/0022-3514.47.6.1191>
- [6]. Eagly, A. H., & Chaiken, S. (1993). *The psychology of attitudes*. Fort Worth, TX: Harcourt.
- [7]. Hair, J. F., Hult, G. T. M., Ringle, C. M., and Sarstedt, M. (2017). *A primer on partial least squares structural equation modeling (PLS-SEM)*. Los Angeles: Sage Publication.
- [8]. Janmaimool, P. (2017). Application of Protection Motivation Theory to Investigate Sustainable Waste Management Behaviors. *Sustainability*, 9, 1079. <https://doi.org/10.3390/su9071079>
- [9]. Osman, Z., Sulaiman, T. F. T., Aziz, R. C., Bakar, R. A., & Fadil, N. A. (2023). Leadership Styles and Organizational Commitment: Driving the Sustainable Development Practice Adoption in Online Higher Education Institutions through an Intention as a Mediator. *International Journal of Academic Research in Business and Social Sciences*, 13(7), 476 – 492.
- [10]. Osman, Zahir & Abu Bakar, Rosnida & Fadil, Aisyah & Fatma, Tuan & Aziz, Raziana. (2023). Does the Adoption of Sustainable Development Practices among Online Distance Learning Higher Education Institutions in Malaysia Matter? The Role of Intention as a Mediator. *International Journal of Academic Research in Progressive Education and Development*. 12. 1987-2004. [10.6007/IJARPED/v12-i2/17588](https://doi.org/10.6007/IJARPED/v12-i2/17588).
- [11]. Owens, T.L. Higher education in the sustainable development goals framework. *Eur. J. Educ.* 2017, 52, 414–420.
- [12]. Pankowska, M., Pyszny, K., & Strzelecki, A. (2020). Users' adoption of sustainable cloud computing solutions. *Sustainability*, 12(23), 9930.
- [13]. Ribeiro, J. M. P., Barbosa, S. B., Casagrande, J. L., Sehnem, S., Berchin, I. I., da Silva, C. G., & Guerra, de A. J. B. S. O. (2017). Promotion of sustainable development at universities: the adoption of green campus strategies at the University of Southern Santa Catarina, Brazil. *Handbook of Theory and Practice of Sustainable Development in Higher Education: Volume 1*, 471-486.
- [14]. Veinovic, Z. The curricula revision in the context of education for sustainable development: From the perspective of two primary school subjects' curricula. *Zb. Inst. Za Pedagos. Istraz.* 2017, 49, 191–212.
- [15]. Vermeir, Iris & Verbeke, Wim. (2006). Sustainable Food Consumption: Exploring the Consumer "Attitude – Behavioral Intention" Gap. *Journal of Agricultural and Environmental Ethics*. 19. 169-194. [10.1007/s10806-005-5485-3](https://doi.org/10.1007/s10806-005-5485-3).
- [16]. Zandstra, Elizabeth & Carvalho, Álvaro & van Herpen, Erica. (2017). Effects of Front-of-Pack Social Norm Messages on Food Choice and Liking. *Food Quality and Preference*. 58. [10.1016/j.foodqual.2017.01.007](https://doi.org/10.1016/j.foodqual.2017.01.007).
- [17]. Zeweld, W., Van Huylenbroeck, G., Tesfay, G., & Speelman, S. (2017). Smallholder farmers' behavioural intentions towards sustainable agricultural practices. *Journal of environmental management*, 187, 71-81.

Nghiên cứu này được tài trợ bởi đề tài cấp Trường Đại học Mở Hà Nội, mã số MHN2023-OU5-02.39.

DETERMINING FACTORS AFFECTING SUSTAINABLE DEVELOPMENT ACTIVITIES: AN EMPIRICAL STUDY AT HANOI OPEN UNIVERSITY

Nguyen Thi Huong An[†]

Abstract: *The study examines the implementation of sustainable development activities of lecturers and staff at Hanoi Open University (HOU). The study investigates the basic principles of the Theory of Planned Behavior (TPB) and its application in understanding the factors affecting examines the implementation of sustainable development activities. The study evaluates the direct and indirect relationships between independent variables including Attitudes, Social Norms, Perceived Behavioral Control, Intention to the implementation of sustainable development activities. of staff and lecturers of Hanoi Open University. The study sample included 338 survey responses analyzed using structural equation modeling (SEM). The results show that social norms, perceived behavioral control and intentions significantly influence sustainable development activities of lecturers and staff at HOU.*

Keywords: *Hanoi Open University, sustainable development, sustainable development activit*

[†] Hanoi Open University